

Bản án số: 36/2018/HS-PT
Ngày 06 – 7 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngô.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Ngọt.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thích - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 33/2018/TLPT-HS ngày 29/5/2018 đối với bị cáo Lâm T và Chung Văn V do có kháng cáo của các bị cáo Lâm T và Chung Văn V đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2018/HS-ST ngày 26-4-2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lâm T (tên gọi khác: T), sinh ngày 01/01/1993; Nơi cư trú: khóm M, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông: Lâm C và bà Lý Thị P; Có vợ Tăng Thị N và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” từ ngày 25/10/2017 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Chung Văn V (tên gọi khác không), sinh năm 1995; Nơi cư trú: khóm T, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chung Văn K và bà Lê Thị Thu H; Vợ, con chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/01/2018 đến ngày 04/3/2018 (có mặt tại phiên tòa).

Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Người làm chứng Nguyễn Văn B, Huỳnh Thế N, Nguyễn Văn I và Đàm Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ ngày 21/11/2016, bị cáo V đến nhà của anh Nguyễn Văn I và anh Nguyễn Văn B (thuộc khóm B, phường M, thị xã N) lúc này Đàm Văn N đi ngang và chửi nhóm của V, nên bị cáo V chạy theo đánh N nhưng không đánh được, N về kể lại sự việc cho bị cáo T nghe, bị cáo T kêu L (là bạn của T) điều khiển xe chở T và N đến chỗ bị cáo V, sau đó các bên xảy ra tranh chấp, bị cáo T, L, N lên xe chạy về nhà T lấy con dao tự chế (mã tấu) bằng kim loại dài 60cm – 70cm, sau đó chạy đến nhà trọ rước bạn tên Mai H (tên gọi khác O) tất cả chạy đến chỗ bị cáo V, khi bị cáo T chạy về thì lúc này bị cáo V về nhà (thuộc khóm T, phường H, thị xã N) lấy con dao tự chế (mã tấu) bằng kim loại dài 80cm chạy xe ra nhà B, I. Khi bị cáo T chạy tới nhà B bước xuống xe cả hai bên đều cầm dao, cách nhau 03 đến 04 mét nhào vô chém, bị cáo V chém trúng mặt bị cáo T, bị cáo T chém trúng vào tay phải (phần tay phía trên) của bị cáo V, bị cáo T chém trúng vào cổ tay của bị cáo V làm rớt con dao của bị cáo V, bị cáo V chạy, bị cáo T đuổi theo chém trúng vào hông của bị cáo V, bị cáo V tiếp tục chạy thì vấp té vào đồng củi và nhảy xuống đám sậy, bị cáo T chạy tới thấy bị cáo V bò xuống nương nên bị cáo T cầm dao quay lên lộ, khi đó cả bị cáo T và bị cáo V đều bị thương nặng. Bị cáo V được mọi người đưa đi Bệnh viện đa khoa thị xã N, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần thơ điều trị đến ngày 23/11/2016 thì xuất viện, còn bị cáo T cũng điều trị tại Bệnh viện đa khoa thị xã N đến ngày 25/11/2016 thì xuất viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 04/TgT-PY, ngày 06/01/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận: Chung Văn V bị tổn hại sức khỏe là 25%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 215/TgT-PY, ngày 24/11/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận: Lâm T bị tổn hại sức khỏe là 15%

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2018/HS-ST ngày 26-4-2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lâm T và Chung Văn V, phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo Lâm T và Chung Văn V.

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Lâm T (tên gọi khác T): 02 năm 03 tháng tù (hai năm ba tháng tù). Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bắt bị cáo chấp hành án.

2. Xử phạt bị cáo Chung Văn V (tên gọi khác không): 02 năm tù (hai năm tù). Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Đến ngày 07/5/2018 bị cáo Chung Văn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin được hưởng án treo.

Đến ngày 08/5/2018 bị cáo Lâm T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo.

- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân thị xã N vào ngày 07/5/2018 và ngày 08/5/2018 theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 thì việc kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Vào khoảng 02 giờ sáng ngày 21/11/2016 tại khu vực bờ kè thuộc khóm B, phường M, thị xã N, các bị cáo Lâm T và Chung Văn V đã sử dụng hung khí là dao tự chế chém nhau dẫn đến hậu quả bị cáo Lâm T bị thương tích theo kết luận giám định là 15% và Chung Văn V bị thương tích là 25%. Lời thừa nhận hành vi của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên hành vi phạm tội của các bị cáo bị cấp sơ thẩm truy tố và xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là chính xác là phù hợp với pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lâm T:

[3.1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lâm T. Xét thấy, khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường khắc phục cho bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đầu thú được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nói trên là chính xác là phù hợp với pháp luật. Tuy nhiên, Cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là bị cáo người dân tộc khmer và cấp phúc thẩm bổ sung tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo tại khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có tình tiết mới, nhưng hình phạt mà cấp sơ thẩm tuyên phạt cho bị cáo là tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét

xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3.2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, thì thấy, tại Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về trường hợp không được hưởng án treo “*Người thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn và đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng đề nghị truy nã*”. Bị cáo đã bị Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo. Do đó, kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Chung Văn V:

[4.1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Xét thấy, khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường khắc phục cho bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nói trên là chính xác là phù hợp với pháp luật. Các tình tiết bị cáo đưa ra để xin giảm nhẹ hình phạt đã được cấp sơ thẩm áp dụng, Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đưa ra được tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4.2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo: Xét thấy, bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, Có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (tương ứng khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999) và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (tương ứng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999) theo quy định của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Tuy nhiên, loại tội phạm này có chiều hướng gia tăng ở địa phương và cần xử lý tù giam để trấn áp và răn đe tội phạm, nhằm phục vụ chính trị ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm thì các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật vì đơn kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

[6] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

[2] Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo Lâm T và Chung Văn V.

[3] Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật

hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo Lâm T và Chung Văn V.

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo Lâm T (tên gọi khác T): 02 năm 03 tháng tù (hai năm ba tháng tù) về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bắt bị cáo chấp hành án.

2. Xử phạt bị cáo Chung Văn V (tên gọi khác không): 02 năm tù (hai năm tù) về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bắt bị cáo chấp hành án

[4] Án phí hình sự phúc thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

[5] Các phần quyết định khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND thị xã N (2 bản);
- VKSND thị xã N;
- CQĐT - Công an thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Bị cáo.
- PKTNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Ngô